TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2018/DS-PT
Ngày: 26/11/2018
V/v: "Tranh chấp thừa kế về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Đồng Khởi – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2017/TLPT – DS, ngày 21 tháng 12 năm 2017, về việc: "Tranh chấp thừa kế về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2018/QĐPT – DS, ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101A/2018/QĐ-PT ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q là Luật sư Trần Văn Đ – Văn phòng Luật sư Trần Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Số 79, đường H, khu vực 4, phường 5, thành phố V2, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông D là ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1954 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 02, khu dân cư T1, khu vực T2, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1954 (Có mặt)

2/ Ông Nguyễn Hùng Đ2, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn V4, sinh năm: 1962 (Có mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

5/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

6/ Bà Trần Thị Mỹ D4, sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Cha ông là ông Nguyễn Văn A, mẹ ông là Võ Thị L đều đã qua đời. Cha mẹ ông có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Văn T3, Nguyễn Hùng Đ2, Nguyễn Văn V4, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Hồng H (tên gọi khác là Nguyễn Thị Dung). Sau khi cha ông hy sinh thì mẹ ông bà bà Võ thị L có chồng khác và có thêm người con gái là Nguyễn Thị Hồng P; ngoài ra không còn người con nào khác. Lúc sinh thời cha mẹ tạo lập được phần đất diện tích khoảng 7.000m^2 tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Năm 1988, các anh em có thỏa thuận phân chia đất các anh trai đều có phần. Riêng phần đất còn lại 732m^2 các anh em đã thống nhất giao cho ông là con trai út trong gia đình có nghĩa vụ thờ cúng cha và nuôi mẹ già. Năm 1992, do hoàn cảnh khó khăn ông Q đến địa phương khác làm ăn không trực tiếp sống cùng bà Võ Thị L. Trong khoảng thời gian đó bà L đại diện hộ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích 732m^2 và năm 2000 được Nhà nước cấp căn nhà tình nghĩa trên phần phần đất này. Thời gian ông Q đi làm ăn ông có tới lui thăm nom bà L. Bà L sống một mình trong căn nhà tình nghĩa đến năm 2016 bà bị bệnh chết; ông về quản lý tài sản của bà L thì phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Hoàng D. Trước khi chết bà L có lập tờ di chúc để lại tài sản của bà cho cháu nội là Nguyễn Hoàng D; ông Q không đồng ý tờ di chúc. Ông khẳng định chữ ký trong tờ di chúc không phải chữ ký của bà L. Nay ông khởi kiện hủy di chúc lập ngày 10/01/2012; được thừa kế toàn bộ tài sản bà L chết để lại. Đồng thời buộc ông Nguyễn Hoàng D giao trả phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa trên đất.

Theo đơn phản tố ngày 14/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn không Nguyễn Hoàng D trình bày: Phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa đang tranh chấp của bà nội ông là bà Võ Thị L chết để lại cho ông theo tờ di chúc lập ngày 10/01/2012 có chính quyền địa phương xác nhận. Ông Q là con bà L nhưng không có chăm sóc và sống cùng bà L; bà L qua đời ông Q nhiều lần đến gây chuyện và đòi quản lý tài sản nên dì của ông là bà Nguyễn thị Hồng P mới đưa tờ di chúc theo trình tự thủ tục tại chính quyền địa phương ngày 29/7/2016, ông D được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền thừa kế phần đất diện tích 732m^2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ 000099/QSDĐ cấp ngày 09/4/1997 mang tên bà Võ Thị L chỉnh lý trang 4 cho ông Nguyễn Hoàng D. Hiện nay ông Nguyễn Hoàng D đang quản lý sử dụng phần đất và căn nhà tình nghĩa nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q. Yêu cầu Tòa án cho ông tiếp tục được quyền sử dụng phần đất và căn nhà tình nghĩa tọa lạc tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Tờ di chúc lập ngày 10/01/2012 của bà Võ Thị L lập là ông không hay biết. Trước đây khi cha ông là ông A chết, thì mẹ ông là bà L kêu ông đứng ra chia đều phần đất ruộng mà cha mẹ ông tạo lập cho ông Đ2, ông V4, ông Q và ông. Ông Q đã được chia phần đất ruộng nhưng đã chuyển nhượng lại cho người khác. Về phần đất thổ cư thì mẹ ông chỉ chia cho ông Đ2, ông V4 và ông, còn ông Q thì chưa được chia. Phần đất 732m^2 đang tranh chấp là bà L để lại cho ông Q, vì ông chưa được chia phần đất thổ cư. Trước đây bà L muốn bán phần đất trên cho Nguyễn Hoàng D nhưng bị Nguyễn Văn Q nhiều lần ngăn cản nên bán không thành mới lập di chúc để lại phần đất cho ông D. Ông Q tuy không trực tiếp nuôi nhưng có tới lui là thật. Ông không yêu cầu phần chia đối với tài sản của bà Võ Thị L chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V4, ông Nguyễn Hùng Đ2, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: mẹ của các ông bà là bà Võ Thị L chết có để lại phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa do bà L đứng tên. Trước khi chết bà đã lập di chúc để lại cho cháu Nguyễn Hoàng D thừa hưởng, việc bà L lập di chúc các con đều không hay biết nên bà L di chúc cho ai thì người đó hưởng là quyền định đoạt của bà L. Ông Q không có chăm sóc bà L ngày nào, bà L sống một mình. Ông V4, ông Đ2, bà H không yêu cầu chia thừa kế tài sản bà Võ Thị L chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Bà L khi còn sống là sống một mình trong căn nhà tình nghĩa, các con ở cặp bên có chăm sóc. Bà là người chăm sóc bà L nhiều hơn anh em khác. Bà L có gửi bà tờ di chúc để cất giữ, bà không rõ nội dung trong di chúc. Năm 2016, bà L bị bệnh chết, ông Nguyễn Văn Q về đập phá tài sản trong nhà; phải nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Bà P mới mang di chúc bà L chết để lại cho Nguyễn Hoàng D thừa kế. Đối với tranh chấp giữa ông Q và ông D bà yêu cầu giải quyết theo ý nguyện của bà L di chúc cho ai thì người đó hưởng; bà không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần thị Mỹ D4 (vợ của ông Nguyễn Hoàng D) trình bày: Bà không có liên quan gì đến vụ án nên không có bất cứ yêu cầu gì. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Người làm chứng là ông Trần Hoàng V3 trình bày: Vào ngày 10/01/2012 bà L đi cùng với một người chạy xe ôm (không xác định được nhân thân) đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện V để lập di chúc cho tài sản, bà L có nhờ ông Vũ viết hộ bản di chúc cho bà L; nội dung bản di chúc lập ngày 10/01/2012 là do bà L đọc cho ông Vũ viết. Khi bà L liên hệ làm di chúc là tinh thần minh mẫn và tự nguyện, lập xong có đọc lại cho bà L nghe và cả ông Nguyễn Văn C2 – Phó Chủ tịch UBND xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang nghe và xác nhận vào bản di chúc.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2018/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/01/2012; yêu cầu thừa kế toàn bộ tài sản gồm phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang của bà Võ Thị L chết để lại.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng D.

Ông Nguyễn Hoàng D được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 732m^2, thuộc tờ bản đồ số 07, thửa 225, 226 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000099/QSDĐ cấp ngày 09/4/1997 mang tên hộ Võ Thị L được chỉnh lý trang 4 đề thừa kế cho ông Nguyễn Hoàng D ngày 29/7/2016 và căn nhà tình nghĩa trên đất toàn bộ tọa lạc tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản sơ thẩm, ông yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D giao trả 732m^2 đất cùng căn nhà tình nghĩa mà bà L để lại cho ông Q quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng hình thức của di chúc không đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy di chúc ngày 10/01/2012 do bà L lập với nội dung để lại phần đất diện tích 732m^2 cho ông Nguyễn Hoàng D, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng

các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghị án; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D trả lại phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang là tài sản thừa kế do bà Võ Thị L (mẹ của ông Q, bà nội của ông D) chết để lại và Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đã thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản sơ thẩm, ông không thừa nhận di chúc lập ngày 10/01/2012 của bà Võ Thị L và yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D giao trả 732m^2 đất cùng căn nhà tình nghĩa mà bà L để lại cho ông Q quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ. Xét, đơn kháng cáo của ông Q đã làm và nộp theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ông Q cho rằng phần đất diện tích 732m^2 tại phần đất vị trí số (1) và (3) (theo mảnh trích đo đạc địa chính số 02-2017 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 03/4/2017) cùng căn nhà tình nghĩa do bà Võ Thị L để lại là phần đất ông đã được các anh em của ông thống nhất chia đất này cho ông, nhưng giao cho mẹ ông là bà L quản lý. Theo hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự đều cho rằng đây là đất của bà L và ông A (đã chết năm 1968) tạo lập, cho đến nay thì thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản của ông A trong khối tài sản chung vợ chồng không còn, nên phần di sản của ông A sẽ thuộc về người đang quản lý, sử dụng là bà Võ Thị L. Ngày 09/4/1997 bà L được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 000099 đối với phần đất tranh chấp, thời điểm bà L được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì trong hộ chỉ có bà L (bút lục số 116), cho đến nay cũng không ai khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L. Do đó, căn cứ vào Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2005, bà L có quyền tự định đoạt đối với tài sản của mình, nên việc ông Q cho rằng các anh, em của ông đã thống nhất giao phần đất trên cho ông và yêu cầu trả lại cho ông phần đất trên là không có căn cứ.

[3.2] Ông Q cho rằng tờ Di chúc ngày 10/01/2012 của bà Võ Thị L với nội dung để lại toàn bộ phần đất diện tích 732m^2, tại thửa 225, thửa 226, tọa lạc tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Hoàng D là giả mạo chữ ký. Tuy nhiên,

theo kết luận của Giấy chứng nhận sức khỏe (bút lục 114) thì vào thời điểm lập Di chúc trên bà L vẫn còn đủ năng lực, hành vi dân sự để lập di chúc. Đồng thời, theo lời khai của ông Nguyễn Văn C2 – Phó Chủ tịch UBND xã T (Bút lục 119) thì lúc bà L lập di chúc có nhờ ông Trần Hoàng V3 viết thay, sau đó ông C2 trực tiếp chứng kiến bà L nghe đọc lại nội dung và ký tên vào di chúc. Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông Q có yêu cầu giám định chữ ký của bà L trong tờ Di chúc ngày 10/01/2012 nhưng các mẫu chữ ký của bà L do ông Q cung cấp không đủ để kết luận chữ ký trên di chúc có phải do bà L ký tên hay không, các đương sự cũng không cung cấp thêm được mẫu chữ ký của bà L để thực hiện giám định chữ ký lại. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 647, Điều 652, Điều 649, Điều 653, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005 cho rằng Di chúc ngày 10/01/2012 của bà Võ Thị L là hợp pháp và có căn cứ.

[3.3] Từ những phân tích trên, ông Q kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.4] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng hình thức của di chúc không đúng với Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ. Đối với ý kiến này Hội đồng xét xử xét thấy di chúc có chứng thực của UBND xã, mặc dù chưa đảm bảo về mặt hình thức, nhưng nội dung cũng đã thể hiện ý chí của người để lại di sản thừa kế. Mặt khác, các con của bà L đều thừa nhận di chúc hợp pháp chỉ trừ ông T3 và ông Q, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy di chúc chỉ vì vi phạm về hình thức.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn Q phải chịu 7.057.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu số tiền 4.567.862 đồng, ông Q đã nộp xong.

[7] Chi phí giám định chữ ký: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.000.000 đồng, ông Q đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 25, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 148; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 164, Điều 197, Điều 646, Điều 647, Điều 652, Điều 653, Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 106, Điều 107 của Luật đất đai năm 2003.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu hủy di chúc lập ngày 10/01/2012; yêu cầu chia thừa kế toàn bộ tài sản gồm phần đất diện tích 732m^2 và căn nhà tình nghĩa tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang của bà Võ Thị L chết để lại.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng D.

Ông Nguyễn Hoàng D được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 732m^2, thuộc tờ bản đồ số 07, thửa 225, 226 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000099/QSDĐ cấp ngày 09/4/1997 mang tên hộ Võ Thị L được chỉnh lý trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Hoàng D ngày 29/7/2016 và căn nhà tình nghĩa trên đất cùng tọa lạc tại ấp V1, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q nộp 7.057.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Q đã nộp 1.612.500 đồng theo Biên lai thu số 0011269 ngày 16/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Ông Nguyễn Văn Q còn phải nộp thêm 5.444.500 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q nộp 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 0013662 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng D số tiền tạm ứng án phí 1.612.500 đồng theo Biên lai thu số 0011292 ngày 17/02/2017. Ông Nguyễn Hoàng D được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ phần đất, định giá tài sản tranh chấp: ông Nguyễn Văn Q phải nộp 4.567.862 đồng, ông Q đã nộp xong.

Chi phí giám định chữ ký: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 3.000.000 đồng, ông Q đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hậu Giang*
- *TAND huyện V*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Bích Hạnh